

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-ST

Ngày: 19-5-2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Như Tạ và ông Nguyễn Đắc Nhơn.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nông Văn Nhu, là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa:* Ông Phan Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 210/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Quốc L, sinh năm 1988 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

Bị đơn: Ông Phan Đình D, sinh năm 1963 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1967 – Vắng mặt.

Địa chỉ: TDP B, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hồ Thị P, sinh năm 1988 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 11 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đỗ Quốc L trình bày:

Ngày 20-01-2020 ông và vợ là bà Hồ Thị P cho ông Phan Đình D, bà Hoàng Thị T vay số tiền 300.000.000 đồng. Hai bên có lập hợp đồng vay tiền và thực hiện

thủ tục công chứng hợp đồng. Thời hạn vay là 90 ngày, lãi suất thỏa thuận miệng là 20%/năm. Vay không thế chấp tài sản gì. Nguồn gốc tiền cho vay là từ tích góp của vợ chồng ông trong nhiều năm. Loại tiền cho vay là tiền 500.000 đồng, 200.000 đồng và 100.000 đồng. Giao tiền tại nhà ông D, bà T. Khi nhận tiền, ông D, bà T có kiểm đếm lại.

Đến hạn trả nợ, ông có đến nhà và hẹn gặp ông D, bà T nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng ông D, bà T không trả nợ gốc cũng như lãi suất.

Việc ông D, bà T vay tiền nhưng không trả làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, vì vậy ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D, bà T trả cho ông và vợ là bà Hồ Thị P số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp đã triệu tập nhiều lần nhưng bị đơn ông Phan Đình D, bà Hoàng Thị T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, không có lời trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị P trình bày:

Ngày 20-01-2020 bà và chồng là ông Đỗ Quốc L cho ông D, bà T vay số tiền 300.000.000 đồng. Do làm ăn thua lỗ nên ông D, bà T không có thiện chí trả nợ. Sau một thời gian bà và chồng gọi điện thì số điện thoại cũng không liên lạc được. Vì vậy, yêu cầu Tòa án giải quyết để đem lại sự công bằng cho vợ chồng bà. Do công việc bận rộn, bà có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Mọi ý kiến của ông L cũng là ý kiến của bà.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc giải quyết, xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là ông Phan Đình D và bà Hoàng Thị T.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đỗ Quốc L, buộc ông Phan Đình D, bà Hoàng Thị T trả 300.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm cho ông Đỗ Quốc L và bà Hồ Thị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi triệu tập nhiều lần ông Phan Đình D và bà Hoàng Thị T, là bị đơn không có mặt làm việc, Tòa án đã tiến hành xác minh, kết quả cho thấy ông D, bà T có nhà, đất và đã thường xuyên sinh sống tại TDP B, thị trấn K, huyện Đ từ hơn 10 năm nay nhưng hiện đã bỏ đi khỏi địa phương. Ông D, bà T không thông báo cho ông Đỗ Quốc L và bà Hồ Thị P, là bên có quyền biết địa chỉ nơi cư trú mới. Hợp đồng vay tiền ngày 20-01-2020 ông D, bà T cung cấp địa chỉ tại TDP C, thị trấn K, huyện Đ. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với ông D, bà T theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và xét xử vắng mặt ông D, bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Đình D, bà Hoàng Thị T trả nợ gốc số tiền 300.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ, căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Địa chỉ của bị đơn được ghi trong Hợp đồng vay tiền ngày 20-01-2020 tại TDP C, thị trấn K, huyện Đ; xác minh địa chỉ nơi bị đơn thường xuyên sinh sống tại TDP B, thị trấn K, huyện Đắk R'Lấp. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của của ông Đỗ Quốc L, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về nợ gốc: Ngày 20-01-2020 ông Đỗ Quốc L và ông Phan Đình D, bà Hoàng Thị T ký kết hợp đồng vay tiền, được công chứng tại Văn phòng Công chứng Đ, số công chứng 495/2020, quyền số 01/2020/TP/CC-SCC/HĐGD. Theo hợp đồng, ông L cho ông D, bà T vay số tiền 300.000.000 đồng. Thời hạn vay 90 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký kết và chứng nhận. Lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Mục đích vay tiền là để kinh doanh. Việc các bên thỏa thuận, ký kết hợp đồng là tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng đảm bảo theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự và có hiệu lực thi hành.

Đến hạn trả nợ, ngày 20-4-2020, ông D, bà T không thực hiện nghĩa vụ của bên vay như đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Kết quả xác minh, ông D, bà T có nhà, đất và sinh sống tại TDP B, thị trấn K, huyện Đ từ hơn 10 năm (cho đến thời điểm xác minh), hiện tại chính quyền địa phương không biết ông D, bà T đã đi đâu. Tại địa phương, ông D, bà T nợ tiền nhiều người. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin đính chính lại địa chỉ của bị đơn tại TDP B, thị trấn K, huyện Đ và không rõ lý do vì sao thời điểm công chứng hợp đồng vay tiền ông D, bà T lại ghi địa chỉ ở TDP C, thị trấn K, huyện Đắk R'Lấp. Do thấy ông D, bà T có nhà, đất và sinh sống lâu năm ở thị trấn K nên ông L tin tưởng và cho ông D, bà T vay tiền.

Việc ông D, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bỏ đi khỏi địa phương làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông L, bà Phường. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc ông D, bà T phải trả cho ông L, bà Phường số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng theo quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Về lãi suất: Hợp đồng vay tiền được công chứng ngày 20-01-2020 không ghi lãi suất, nguyên đơn trình bày có thỏa thuận lãi suất miệng là 20%/năm nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh. Vì vậy không có căn cứ xác định lãi suất là 20% như trình bày của nguyên đơn và xác định đây là trường hợp vay không có lãi. Tuy nhiên, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, cần buộc bị đơn phải trả lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS là 10%/năm tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể:

$300.000.000đ \times 10\%/năm \times 01 \text{ năm } 28 \text{ ngày} = 32.333.000 \text{ đồng.}$

Trong đó ngày vi phạm nghĩa vụ là ngày 21-4-2020.

Như vậy, ông Phan Đình D, bà Hoàng Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Quốc L và bà Hồ Thị P 332.333.000 đồng, gồm 300.000.000 đồng nợ gốc và 32.333.000 đồng tiền lãi.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông L được chấp nhận nên ông D, bà T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Quốc L đối với ông Phan Đình D, bà Hoàng Thị T.

Buộc ông Phan Đình D, bà Hoàng Thị T phải trả cho ông Đỗ Quốc L và bà Hồ Thị P số tiền 332.333.000đ (*Ba trăm ba mươi hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng*), trong đó 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) nợ gốc và 32.333.000đ (*Ba mươi hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng*) tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người có đơn

yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Ông Phan Đình D, bà Hoàng Thị T phải nộp 16.616.650đ (*Mười sáu triệu sáu trăm mười sáu ngàn sáu trăm năm mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đỗ Quốc L được nhận lại 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004489 ngày 20-11-2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'Lấp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Thu Hà